



Prepared under the direction of the Department of Defense and published by the 652d Engineer Battalion (Topographic) (Army). LEGEND - CHU-TU. MAP INFORMATION AS OF 1971. TAI-LIU DO-BAN-NAM 1971. On this map a LANE is considered as being a minimum of 2.4 m. (8 feet) in width. Closed canopy indicates 75% or more of ground area is concealed under a dense cover. Open canopy indicates 25% to 75% of ground area is concealed under an uneven, discontinuous cover.

CONTOUR INTERVAL 40 METERS SUPPLEMENTARY CONTOURS 20 METERS. KHOANG CACH DEU VONG CAO-DO: 40 MET. CAC VONG CAO-DO PHU TUNG 20 MET. EVEREST 0 VUONG. UTM TONG LONG MET KHU HINH THOI 48. HETHONG CHIEU CUA LO CHUAN. MAT BIEN TRUNG-BINH PHONG CHONG TRAC-CAU CHUAN. HE THONG TRAC-CAU AN-BO 1960.

USERS SHOULD REFER CORRECTIONS, ADDITIONS, AND COMMENTS TO THE NIMA CUSTOMER HELP DESK: 1-800-455-0899, COMMERCIAL: 1-314-260-1238, DSN: 498-1238, OR WRITE TO: DIRECTOR, NATIONAL IMAGERY AND MAPPING AGENCY, ATTN: CO, 8613 LEE HIGHWAY, FARMAC, VA 22031-2137.

THE DELINEATION OF INTERNATIONAL BOUNDARIES MUST NOT BE CONSIDERED AUTHORITY. DUONG BIEN-GIOI CHI TREN BAN-DO CHUA ĐƯỢC MINH-ĐINH. XIN GIỚI THIỆU SỰ SẴN ĐỘI TRONG BẢN-ĐỒ NÀY ĐỂ NHẢY DẠY ĐUỐI QUỐC GIA, ĐÀ-LẠT, VIỆT-NAM.

GLOSSARY - CO-TU. Ban, Bao, Bao, Nam, Phu, Xom. village, mountain pass, stream, mountain, mountain, mountain range, village.

ELEVATION GUIDE CHI-DAN CAO-DO. BOUNDARIES DIA-GIOI. VIETNAM TRUNG PHAN TINH QUANG BINH. LAOS KHUONG KHAMMOUANE (KHAMMOUANE). 6144 IV, 6144 III, 6144 II, 6144 I, 6143 IV, 6143 III, 6143 II, 6143 I.

GRID CONVERGENCE FOR CENTER OF SHEET. HUNG TRUNG, VIETNAM; LAOS. WE XE. 480. 400. 1970 G-M ANGLE 50C V.T. 10' (10 MILS; MIL). TO CONVERT A GRID AZIMUTH TO A MAGNETIC AZIMUTH SUBTRACT G-M ANGLE. MUON DOI PHUONG-GIAC O VUONG THANG PHUONG-GIAC O VUONG CONG THEM GOC V.T.